

Số: 965/QĐ-UBND

Rạch Giá, ngày 22 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/ND-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân
dân thành phố Rạch Giá, về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-
2025 nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố tại Tờ
trình số 329/TTr-PTCKH ngày 22 tháng 12 năm 2020, về kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025 bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành
phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố, như sau:

1. Tổng nguồn thu giai đoạn 2021-2025: 2.020.000 triệu đồng, trong đó:

- Thu sử dụng đất (60% theo NQ-HĐND tỉnh): 300.000 triệu đồng.
- Thu bán tài sản trụ sở công không cần dùng: 100.000 triệu đồng.
- Thu tiền sử dụng đất đấu giá tuyến đường đô thị: 1.620.000 triệu đồng;

bao gồm:

+ Nguồn thu 60% nộp ngân sách thành phố: 972.000 triệu đồng.

+ Nguồn thu 40% nộp ngân sách tỉnh: 648.000 triệu đồng.

2 Tổng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025: Tổng số 105 công
trình, vốn 1.858.000 triệu đồng, bao gồm:

**2.1. Nguồn thu sử dụng đất và bán tài sản trụ sở công không cần
dùng:** Bố trí 82 công trình, vốn 400.000 triệu đồng, trong đó:

a). Chuyển tiếp 18 công trình, vốn 51.900 triệu đồng.

b). Bố trí mới 64 công trình, vốn 348.100 triệu đồng, gồm có:

- Lĩnh vực quản lý nhà nước: 08 công trình, vốn 117.100 triệu đồng.

- Lĩnh vực giao thông, hạ tầng KT: 29 công trình, vốn 82.800 triệu đồng.

- Lĩnh vực Môi trường: 05 công trình, vốn 18.000 triệu đồng.
- Lĩnh vực Giáo dục: 12 công trình, vốn 54.200 triệu đồng.
- Lĩnh vực Văn hóa – Y tế: 09 công trình, vốn 16.000 triệu đồng.
- Nâng cấp hầm: 20.000 triệu đồng.
- Vốn dự phòng: 40.000 triệu đồng.

(Kèm theo bảng danh mục chi tiết Phụ lục 1)

2.2. Nguồn thu sử dụng đất đấu giá tuyến đường đô thị: Bố trí 23 công trình, vốn 1.458.000 triệu đồng, trong đó:

- a). Chuyển tiếp 02 công trình, vốn 246.000 triệu đồng, gồm có:
 - Nguồn thu 60% nộp ngân sách thành phố: vốn 172.800 triệu đồng.
 - Nguồn thu 30% nộp ngân sách tỉnh: vốn 73.200 triệu đồng.
- b). Bố trí mới 21 công trình thuộc Lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật, vốn 1.212.000 triệu đồng, gồm có:
 - Nguồn thu 60% nộp ngân sách thành phố: 799.200 triệu đồng.
 - Nguồn thu 30% nộp ngân sách tỉnh: 412.800 triệu đồng.
- c). Nguồn thu 10% tương ứng 162.000 triệu đồng nộp ngân sách tỉnh theo Luật Ngân sách nhà nước.

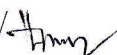
(Kèm theo bảng danh mục chi tiết Phụ lục 2 và Phụ lục 3)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:

1. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chịu trách nhiệm cân đối nguồn vốn, bố trí các dự án nêu tại Điều 1 của Quyết định này vào kế hoạch đầu tư công hàng năm nguồn thu sử dụng đất thành phố quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố có trách nhiệm lập các thủ tục đầu tư và tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

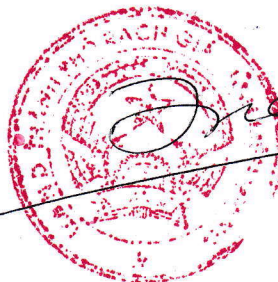
Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, TCKH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Sử

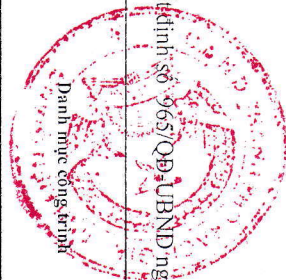
ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

Kèm theo Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Rach Giá

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
Nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rach Giá



TT	 Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư				Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
				Số, ngày, tháng năm	TMDT		Lũy kế vốn cấp đến 2020	Như cầu vốn	2021	2022	2023	2024	2025	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP								
TỔNG CỘNG (A+B)					446.818	421.772	18.998	400.000	60.000	85.000	85.000	85.000	85.000	
A	Công trình chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020: (I+II+III)				73.672	73.672	18.598	51.500	32.200	19.700				
I	Ngành, lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật				51.104	51.104	15.291	33.606	24.050	9.556				
1	Công viên F21, đường Lê Chân, phường Vinh Lạc	Vinh Lạc		20.25.12.2015	1.350	1.350	166	1.000	680	320				
2	Cầu kènh giáp ranh (Xã Giục Tương - phường Vinh Lợi)	Vinh Lợi		20.25.12.2015	752	752		700	700					
3	Đường Đồng Đa (từ Lâm Quang Kỳ đến Nguyễn Trung Trực)	Vinh Lạc		20.25.12.2015	5.000	5.000	2.000	3.000	3.000					
4	Đường Lê Quang Định	Vinh Quang		20.25.12.2015	5.200	5.200	2.000	3.000	3.000					
5	Năng cấp đường RG - Long Xuyên Vinh (tả ngạn) Vinh Thông	Vinh Thông		20.25.12.2015	5.779	5.779	3.000	2.500	2.500					
6	Đường Kênh Bà Ngò - Vinh Thông	Vinh Thông		20.25.12.2015	1.171	1.171		1.000	1.000					
7	Đường Kênh Dãy Ốc nio - khu phố 1 Vinh Thông	Vinh Thông		20.25.12.2015	1.783	1.783		1.500	1.500					
8	Năng cấp đường RG - Long Xuyên (tả ngạn) Phi Thông	Phi Thông		20.25.12.2015	14.021	14.021	5.000	8.500	4.200	4.300				
9	02 cầu trên tuyến Năm Liền (bờ Bắc) Phi Thông	Phi Thông		20.25.12.2015	1.576	1.576		1.500	1.500					
10	Cầu Kênh Ổ Kè (đầu lỵ Kênh Dương Trầu) Phi Thông	Phi Thông		20.25.12.2015	972	972		970	970					
11	Công viên C22 đường Lê Văn Hưu	Vinh Lạc		20.25.12.2015	5.100	5.100	125	4.800	1.000	3.800				
12	Công viên F19 đường Phan Huy Chú	Vinh Lạc		20.25.12.2015	3.500	3.500	1.000	2.500	2.000	500				
13	Công viên F22 đường Châu Văn Liêm	Vinh Lạc		20.25.12.2015	4.900	4.900	2.000	2.636	2.000	636				
II	Ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước				14.667	14.667	0	14.100	4.800	9.300				
1	Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Vinh Thông	Vinh Thông		20.25.12.2015	13.867	13.867		13.300	1.000	9.300				
2	Trụ sở khu phố 8 phường An Hòa	An Hòa		20.25.12.2015	800	800		800	800					
III	Ngành, lĩnh vực giáo dục				7.901	7.901	3.707	4.194	3.350	844				
	Trường tiểu học Mạc D nh Chi	Rạch Sỏi		20.25.12.2015	5.824	5.824	3.474	2.350	2.350					
2	Trường tiểu học Châu Văn Liêm			20.25.12.2015	577	577	233	344	344					
3	Sửa chữa Trường Tiểu học Trưng Vương, tiểu học Âu Cơ, tiểu học Phạm Ngũ Lão (diện Mặt nước)	AH, VTY, V. Thông		20.25.12.2015	1.500	1.500		1.500	656	844				
B	Công trình bổ trí mới giai đoạn 2021-2025: (I+II+...+VII)				412.100	348.100	348.100	348.100	27.800	65.300	85.000	85.000	85.000	
1	Ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước				118.600	117.100		117.100	3.750	29.550	30.300	28.500	25.000	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư					Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMDT		Lũy kế vốn cấp đến 2020								
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP		Nhu cầu vốn	2021	2022	2023	2024	2025		
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Trụ sở UBND thành phố Rạch Giá	VTV	Tổng diện tích đất xây dựng: 2.989m ² . Tổng diện tích san lấp: 13.354m ² . Công trình gồm có 9 tầng. -S/c trụ sở UBND và Xây mới hàng rào sân nhà BCHQS phường Rạch Sỏi. -S/c trụ sở Đảng ủy-UBND- Khối Văn phòng Vĩnh Lạc; -S/c Đảng ủy phường An Hòa. -S/c trụ sở Đảng ủy-UBND- Khối Văn - BCHQS phường Vĩnh Quang; -S/c trụ sở UBND phường Vĩnh Hiệp. - S/c nhà làm việc và xây mới phòng thảo trí Đất truyền Thanh; -S/c trụ sở BCHQS phường Vĩnh Lạc - S/c trụ sở UBND xã Phi Thông -S/c Khối văn phòng Vĩnh Thanh -S/c KP 6,7 p An Hòa; -S/c KP 1,2,3 p Vĩnh Lạc; -S/c KP 1,2,3 và xây mới KP 4 p Vĩnh Lợi. -S/c ấp Tà Tây, ấp Trung Thành x. Phi Thông -S/c KP 1,2,4,5 p An Hòa- KP4 p Vĩnh Quang; - S/c KP Đồng Hồ, Nguyễn Trung Trực, Lê Thị Hồng Gấm -S/c Khu phố 1, 2, 3, 4, 6 p Vĩnh Thông; -S/c KP Nguyễn Bình Khiêm p Vĩnh Quang; Sửa chữa, nâng cấp Sở chỉ huy và nhà làm việc Ban tham mưu, Ban hậu cần kỹ thuật Diện tích xây dựng 800m ² , nhà kho cấp IV Rộng 60m, chiều dài 7m, chiều cao đỉnh, 14,9m Các tuyến đường trên địa bàn thành phố Rạch Giá Các tuyến đường trên địa bàn thành phố Rạch Giá Lắp mới các tuyến đường chưa có đèn, cải tạo dần các tuyến đường có đèn cao áp, đèn 1,2m (40W) sang đèn Led. Lắp mới các tuyến đường chưa có đèn, cải tạo dần các tuyến đường có đèn cao áp, đèn 1,2m (40W) sang đèn Led.	23; 30/7/2020	100.000	100.000		100.000	450	24.550	25.000	25.000	25.000		
2	Sửa chữa các trụ sở cơ quan trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 1)	TPRG	23; 30/7/2020 3.900 3.900	23; 30/7/2020	3.000	3.000		3.000	2.300	1.600					
3	Sửa chữa các trụ sở cơ quan trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 2)	TPRG	23; 30/7/2020 3.000 3.000	23; 30/7/2020	3.000	3.000		3.000			2.000	1.000			
4	Sửa chữa các trụ sở khu phố trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 1)	TPRG	23; 30/7/2020 3.400 3.400	23; 30/7/2020	3.400	3.400		3.400	1.000	2.400					
5	Sửa chữa các trụ sở khu phố trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 2)	TPRG	23; 30/7/2020 2.300 2.300	23; 30/7/2020	2.300	2.300		2.300			1.300	1.000			
6	Sửa chữa các trụ sở khu phố trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 3)	TPRG	23; 30/7/2020 1.500 1.500	23; 30/7/2020	1.500	1.500		1.500				1.500			
7	Sửa chữa trụ sở Ban chỉ huy Quân sự thành phố Rạch Giá	VQ	23; 30/7/2020 2.500 2.500	23; 30/7/2020	2.500	2.500		2.500		500	2.000				
8	Kho tạm giữ phương tiện, tang vật vi phạm hành chính	VQ	23; 30/7/2020 2.000 500	23; 30/7/2020	2.000	500		500		500				Đổi ứng vốn ngành Công an	
11	Ngành, lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật		142.800 82.800		82.800 82.800	9.550 18.300 22.950 19.800 12.200									
1	Công chào thành phố Rạch Giá	VH	23; 30/7/2020 2.000 2.000	23; 30/7/2020	2.000	2.000		2.000	50	500	1.450				
2	Trồng bổ sung cây xanh một số tuyến đường thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 1)	TPRG	23; 30/7/2020 2.500 2.500	23; 30/7/2020	2.500	2.500		2.500	1.000	1.500					
3	Trồng bổ sung cây xanh một số tuyến đường thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 2)	TPRG	23; 30/7/2020 2.500 2.500	23; 30/7/2020	2.500	2.500		2.500			1.500	1.000			
4	Lắp mới hệ thống chiếu sáng thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 1)	TPRG	23; 30/7/2020 3.000 3.000	23; 30/7/2020	3.000	3.000		3.000	1.000	1.000	1.000				
5	Lắp mới hệ thống chiếu sáng thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 2)	TPRG	23; 30/7/2020 3.000 3.000	23; 30/7/2020	3.000	3.000		3.000				2.000	1.000		

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư				Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025							Ghi chú	
				Số, ngày tháng năm	TNMT		Lũy kế vốn cấp đến 2020	Nhu cầu vốn								
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP		9-10-11-12-13-14	2021	2022	2023	2024	2025			
1	2	3	4	5	6	7	8									
6	Lắp đặt chốt đèn giao thông thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 1)	TPRG	Lắp đặt trên các tuyến đường nội ô thành phố Rạch Giá	23/30/7/2020	2.500	2.500		2.500	1.000	1.000	500					
7	Lắp đặt chốt đèn giao thông thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 2)	TPRG	Lắp đặt trên các tuyến đường nội ô thành phố Rạch Giá	23/30/7/2020	2.500	2.500		2.500				2.000	500			
8	Lắp đặt biển tên đường, biển báo giao thông, sơn vạch kẻ đường thành phố Rạch Giá	TPRG	Lắp đặt trên các tuyến đường nội ô thành phố Rạch Giá	23/30/7/2020	2.500	2.500		2.500			1.500	1.000				
9	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước một số tuyến đường phường Rạch Sỏi	RS	- Đường Hồ Xuân Hương, làm mới mặt đường dài 250m, rộng 6m, kết cấu BTXM và cải tạo hệ thống thoát nước. - Đường Hải Thượng Lãn Ông, cải tạo hệ thống thoát nước dài 70m và công ngang đường. - Đường Lương Ngọc Quyến, Trần Xuân Soạn: cải tạo hệ thống thoát nước dài tuyến khoảng 250m	23/30/7/2020	3.000	3.000		3.000	1.000	1.000	1.000					
10	Công viên hành lang cầu Rạch Sỏi	AB	Diện tích công viên: 3.000 m2 Gia cố kè, XD lối đi, sân chơi, bờ vĩa, hệ thống chiếu sáng sử dụng đèn led, trồng cây xanh thân cỏ công viên	23/30/7/2020	2.300	2.300		2.300	1.000	1.300						
1	Đường Sư Vạn Hạnh	AB	Chiều dài khoảng 0,5 km, rộng 7m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa, hệ thống thoát nước dọc sử dụng công bê tông ly tâm. Vĩa hè mỗi bên 4m, vắn đồng dân thực hiện.	23/30/7/2020	6.200	6.200		6.200				3.000	3.200			
2	Cầu kênh Rọc Lá đường Nguyễn Biểu, phường Vĩnh Lợi	VLoi	Cầu kết cấu bê tông cốt thép dài 15m, chiều rộng phần xe chạy 5,5m, tải trọng 5T.	23/30/7/2020	1.500	1.500		1.500			1.500					
3	Cổng kết hợp cầu Bờ Tre đường Nguyễn Biểu, phường Vĩnh Lợi	VLoi	Cổng bàn BTCT, phần xe chạy rộng 7m, tải trọng thiết kế 5T.	23/30/7/2020	2.000	2.000		2.000		2.000						
4	Cầu Cao Thắng (từ đường Cao Thắng qua đường Lê Minh Xuân,	VLoi	Cầu kết cấu bê tông cốt thép dài 25m, chiều rộng phần xe chạy rộng 5,5m, tải trọng thiết kế 5T.	23/30/7/2020	2.000	2.000		2.000			2.000					
5	Cầu kênh Rọc Lá (từ đường Nguyễn Văn Nhi qua đường Trần Nguyễn Hàn)	VLoi	Cầu kết cấu bê tông cốt thép dài 25m, chiều rộng phần xe chạy rộng 5,5m, tải trọng thiết kế 5T.	23/30/7/2020	2.000	2.000		2.000			2.000					
16	Nâng cấp đường kênh Năm Liêu (từ đường Mạc Thiên Tích đến đường La Văn Cầu), phường Vĩnh Thông	VTho	Dài 2km, rộng 5,5m, kết cấu mặt đường BTXM	23/30/7/2020	5.800	5.800		5.800				1.800	4.000			
17	Đường kênh 5 Qưới (bờ phải)	PT	Dài 2km, rộng 3,0m, kết cấu mặt đường BTXM	23/30/7/2020	3.000	3.000		3.000				2.500	500			
18	Cầu kênh Tà Tân (qua cụm dân cư), ấp Tà Tây, xã Phi Thôn	PT	Cầu thép mạ kẽm dài 20m, rộng 4m	23/30/7/2020	1.500	1.500		1.500				1.500				
19	Công viên Cầu Suối, phường Vĩnh Quang	VQ	DT: 2500m2 Sân nền lõi đi hệ thống cấp thoát nước chiếu sáng, trồng cây xanh thảm cỏ và gia cố kè	23/30/7/2020	2.000	2.000		1.500	500	1.000						

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư				Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú	
				Số, ngày tháng năm	TMDT		Lũy kế vốn cấp đến 2020	Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP		Nhu cầu vốn	2021	2022	2023	2024	2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9 = 10 + 11 + 12 + 13 + 14	10	11	12	13	14	15	
20	Công viên Khu tái định cư phường Vĩnh Quang	VQ	DT: 3600m ² Sân nền lối đi hệ thống cấp thoát nước chiếu sáng, trồng cây xanh thảm cỏ	23/ 30/7/2020	1.500	1.500		1.500	500	1.000					
21	Công viên đường Trần Quang Diệu	VTV	DT: 1020m ² Sân nền lối đi hệ thống cấp thoát nước chiếu sáng, trồng cây xanh thảm cỏ	23/ 30/7/2020	1.500	1.500		1.500	500	1.000					
22	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước một số tuyến đường phường Vĩnh Thanh Vân (Giai đoạn 1)	VTV	Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Thanh Thái, Huỳnh Tinh Cua, Đinh Tiên Hoàng...	23/ 30/7/2020	5.000	5.000		5.000	2.000	2.000	1.000				
23	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước một số tuyến đường phường Vĩnh Thanh Vân (Giai đoạn 2)	VTV	Phan Văn Trù, Trần Chánh Chiếu, Nguyễn Văn Trỗi...	23/ 30/7/2020	5.000	5.000		5.000				3.000	2.000		
24	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước một số tuyến đường phường Vĩnh Bảo	VB	Nâng cấp đường như Cỏ Giàng, Phan Đình Phùng, Sư Thiện Ân...	23/ 30/7/2020	3.000	3.000		3.000					2.000	1.000	
25	Đường cấp kênh Vĩnh Đại Tả Ngạn (từ Cầu Lạc Hồng đến kênh Hè Thu 2)	VH	Chiều dài đường 1,3km, rộng 5m, mặt đường BTXM	23/ 30/7/2020	4.500	4.500		4.500		1.000	3.500				
26	Đường Rach Chai 3 và đường Tõ 6, Tõ 7, Tõ 11 khu phố Thông Chũ, phường Vĩnh Hiệp	VH	Đường Rach Chai dài 0,9km, rộng 5,5m, Đường Tõ 6 dài 0,3km, rộng 5,5m, Đường Tõ 7 dài 0,3km, rộng 5,5m, Đường Tõ 11 dài 0,3km, rộng 5,5m, kết cấu BTCT.	23/ 30/7/2020	5.000	5.000		5.000		1.000	4.000				
27	Đường Trần Hữu Đồ (từ đường Ngô Thị Sỹ đến đường Trương Đình)	AB	Nâng cấp mặt đường từ Ngô Thị Sỹ - Trương Đình và 1 đoạn công sau công viên An Hoà, tổng chiều dài 0,7km, rộng 4,0m, kết cấu cân đá lán nhựa, hệ thống thoát nước	23/ 30/7/2020	2.000	2.000		2.000	1.000	1.000					
28	Cầu Thôn Dôn, phường An Bình	AB	Kết cấu cầu BTCT dài 85m, chiều rộng phôi: xe chạy 7m, tải trọng thiết kế HL93.	23/ 30/7/2020	40.000	2.000		2.000			2.000				Bổ sung Đối ứng vốn tài trợ
29	Cầu ngang kênh Rach Giã - Long Xuyên, xã Phi Thông	PT	Cầu dân tiếp	23/ 30/7/2020	20.000	2.000		2.000		2.000					Bổ sung Đối ứng vốn tài trợ
III	Ngành, lĩnh vực môi trường				18.000	18.000		18.000	1.000	2.850	7.150	7.000	0		
1	Sửa chữa hồ ga trên địa bàn thành phố Rach Giã	TPRG	Sửa chữa hồ ga, máng nước, lưới chắn rác, đổ mới nắp đan trên các tuyến đường chính: Nguyễn Trung Trục, Trần Phú, Lê Lợi, Nguyễn Bình Khiêm, Mạc Cửu, Ngõ Quế, Lâm Quang Ky...	23/ 30/7/2020	2.000	2.000		2.000	500	1.500					
2	Đầu nối thoát nước kênh 31 tại vị trí công số 1, 2, 3 đường Trần Khánh Dư	AH	- Sửa chữa hệ thống thoát nước vào công số 1, 2, 3 và nâng cấp cửa thu nước.	23/ 30/7/2020	1.000	1.000		1.000	500	500					
3	Công thoát nước ngang lộ đường Nguyễn Trung Trục (giao lộ đường Chi Lăng, đường Nguyễn An Ninh, đường Lạc Hồng, đường Đồng Đa)	VL	Công ngang đường sử dụng công bê tông ly tâm	23/ 30/7/2020	8.000	8.000		8.000			4.000	4.000			

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư				Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMDT		Luỹ kế vốn cấp đến 2020	Dự kiến kế hoạch trung hạn						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP		Nhu cầu vốn	2021	2022	2023	2024	2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	$9=10+11+12+13+14$	10	11	12	13	14	15
4	Đường, hệ thống thoát nước Kênh Giữa (từ Trần Khánh Dư đến Trần Văn Giàu)	AH	Xây dựng hệ thống thoát nước kết hợp đầu tư mặt đường BTXM rộng 5m, tổng chiều dài 0,6 km. Xây dựng hệ thống thoát nước kết hợp đầu tư mặt đường BTXM rộng 5m, tổng chiều dài 0,35km, tải trọng thiết kế 3,5 tấn.	23; 30/7/2020	4.000	4.000	4.000	4.000						
5	Đường, Hệ thống thoát nước đường cấp trường Mẫu Giáo Hương Sen (từ đường Cao Thắng đến Km0+350)	VLoi		23; 30/7/2020	3.000	3.000	3.000	3.000				1.500	1.500	
IV	Ngành, lĩnh vực giáo dục				53.700	54.200		54.200	2.500	2.500	4.900	14.000	30.300	
IV.1	Hàng rào nền sân, sửa chữa các phòng học				17.000	17.500		17.500	2.500	2.500	3.900	5.500	3.100	
1	Xây dựng Hàng rào, sân nền các điểm trường trên địa bàn thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 1)	TPRG	Hàng rào sân nền Trường THCS Ngô Quyền; Hàng rào Trường TH Nguyễn Hiền; Hàng Rào Trường TH Trần Bình Trọng; sân nền Trường THCS Ngô sĩ Liên; Sân nền Trường TH Lê Văn Tám; Trường Phạm Ngũ Lão	23; 30/7/2020	4.000	4.000	4.000	4.000	1.000	1.500	1.500			
2	Xây dựng Hàng rào, sân nền các điểm trường trên địa bàn thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 2)	TPRG	Trường TH Nguyễn Huệ; Trường TH Nguyễn Thái Bình Trường TH Đinh Bộ Lĩnh; Trường TH Lê Thị Hồng Gấm Trường THCS Nguyễn Trãi Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	23; 30/7/2020	4.000	4.000	4.000	4.000			900	3.100		
3	Xây dựng Hàng rào, các điểm trường trên địa bàn thành phố Rạch Giá (Giai đoạn 3)	TPRG	Trường THCS Lê Quý Đôn; Trường THCS Chu Văn An Trường TH Trưng Vương; Trường TH Trần Khánh Dư Trường TH Trường Đình Trường MN Sao Mai; Trường MN Vành Khuyên; Trường MN Hoa Hồng; Trường MG Măng Non; Trường MG Hương Sen; Trường TH Nguyễn Chí Thanh	23; 30/7/2020	3.700	3.700	3.700	3.700			500	1.500	1.700	
4	Sửa chữa các phòng học trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 1)	TPRG	Trường TH Nguyễn Huệ (điểm chỉnh, điểm phụ); Trường TH Trần Khánh Dư; Trường THCS Võ Trường Toản, trường Đinh Bộ	23; 30/7/2020	3.000	3.000	3.000	3.000	1.000	1.000	1.000			
5	Sửa chữa cải tạo khu nhà vệ sinh Trường tiểu học Kim Đồng	VB	Diện tích sửa chữa: 8m x 4,2m = 33,6 m ² ; công trình dân dụng cấp IV	23; 30/7/2020	500	500	500	500	500					
6	Sửa chữa các phòng học trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 2)	TPRG	Cải tạo, sửa chữa các điểm trường: Trường TH Lê Lợi (điểm chỉnh); Trường MN Hoa Hồng; Trường MN Bình Minh; Trường THCS Nguyễn Trãi	23; 30/7/2020	2.300	2.300	2.300	2.300				900	1.400	
IV.2	Xây mới các phòng học: (1+2+3)				36.700	36.700		36.700	0	0	1.000	8.500	27.200	
	Trường Mầm non, Mẫu giáo (MN, MG):				3.200	3.200		3.200	0	0	0	500	2.700	
6	Trường mẫu giáo Hoa Lan	PT	Xây mới khu hiệu bộ phòng chức năng	23; 30/7/2020	3.200	3.200	3.200	3.200				500	2.700	
	Trường tiểu học (TH):				18.500	18.500		18.500	0	0	500	4.000	14.000	
7	Trường tiểu học Nguyễn Hiền	VQ	Thay thế 06 phòng học; khu hiệu bộ	23; 30/7/2020	6.600	6.600	6.600	6.600			500	2.000	4.100	
8	Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão (điểm chỉnh)	Vtho	Xây mới 5 phòng các phòng bộ môn	23; 30/7/2020	5.900	5.900	5.900	5.900				1.000	4.900	
9	Trường tiểu học Nguyễn Thái Bình	VQ	xây dãy 8 phòng + khu hiệu bộ	23; 30/7/2020	6.000	6.000	6.000	6.000				1.000	5.000	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư				Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025							Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TNMT		Lũy kế vốn cấp đến 2020	Nhu cầu vốn							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP			2021	2022	2023	2024	2025		
/	2	3	4	5	6	7	8	$9=10+11+12+13+14$	10	11	12	13	14	15	
	Trường Trung học cơ sở (THCS):				15.000	15.000		15.000	0	0	500	4.000	10.500		
10	Trường THCS Chu Văn An	VL	Thay thế 6 phòng học, khu h.ệu bộ	23; 30/7/2020	11.000	11.000		11.000			500	3.000	7.500		
11	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	VQ	Xây mới Nhà đa năng	23; 30/7/2020	4.000	4.000		4.000				1.000	3.000		
V	Ngành, lĩnh vực văn hóa- y tế				19.000	16.000		16.000	2.000	3.100	5.700	1.700	3.500		
V.1	Lĩnh vực văn hóa				7.000	7.000		7.000	500	1.500	3.000	1.000	1.000		
1	Trung tâm VH-TT liên phường Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Thanh, Vĩnh Quang	VQ	Đường Ngọc Hân Công Chúa (Khu vực chợ Cầu Suối)	23; 30/7/2020	5.000	5.000		5.000	500	1.500	3.000				
2	Trung tâm VH-TT liên phường Vĩnh Hiệp, Vĩnh Bảo, Vĩnh Lạc	VH	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Văn hoá phường Vĩnh Hiệp, đường Sư Thiện Ân	23; 30/7/2020	1.000	1.000		1.000				500	500		
3	Sửa chữa Trung tâm, nhà văn hóa xã Phi Thông	PT		23; 30/7/2020	1.000	1.000		1.000				500	500		
V.2	Lĩnh vực y tế				12.000	9.000		9.000	1.500	1.600	2.700	700	2.500		
1	Sửa chữa Trạm Y tế phường An Hòa	AH		23; 30/7/2020	500	500		500	500						
2	Sửa chữa Trạm Y tế phường Vĩnh Thông và phường Vĩnh Bảo	TPRG		23; 30/7/2020	1.200	1.200		1.200			500	700			
3	Cải tạo Bệnh viện tâm thần thành Khu hành chính trung tâm y tế TPRG	VL		23; 30/7/2020	3.000	3.000		3.000	1.000	1.000	1.000				
4	Sửa chữa Trạm Y tế phường Vĩnh Lợi	VLoi		23; 30/7/2020	600	600		600			600				
5	Sửa chữa Trạm Y tế phường Vĩnh Hiệp và phường Vĩnh Lạc	TPRG		23; 30/7/2020	1.200	1.200		1.200		600	600				
6	Sửa chữa Trạm Y tế phường Vĩnh Thanh, An Bình, Rạch Sỏi, Vĩnh Quang, xã Phi Thông	TPRG		23; 30/7/2020	2.500	2.500		2.500					2.500		
VI	Nâng cấp hẻm				20.000	20.000		20.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000		
VII	Vốn dự phòng				40.000	40.000		40.000	5.000	5.000	10.000	10.000	10.000		

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
Nguồn thu 60% tiền sử dụng đất đầu giá Tuyến đường đề biên trên địa bàn thành phố Rạch Giá
(Nguồn thu = 1.620.000 triệu đồng x 60% = 972.000 triệu đồng)

Kèm theo Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Rạch Giá

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
					Nhu cầu vốn	2021	2022	2023	2024	2025	
1	2	3	4	5	$6=7+8+9+10+11$	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG (I+II)			1.045.200	972.000	146.400	185.400	187.000	215.000	238.200	
I	Công trình chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020			246.000	172.800	146.400	26.400				
I	Tuyến đường đề biên đoạn qua thành phố Rạch Giá	Vinh Thanh - Vinh Quang		96.000	96.000	96.000					
2	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Vinh Thanh - Vinh Quang	Tổng diện tích giải tỏa là 14043,56 m ² , có ảnh hưởng đến 164 hộ gia đình.	150.000	76.800	50.400	26.400				
II	Công trình bố trí mới giai đoạn 2021 - 2025			799.200	799.200		159.000	187.000	215.000	238.200	
I	Hệ thống cấp điện ngầm và lát vỉa hè Tuyến đường đề biên (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến công số 1)	Vinh Quang - Vinh Thanh	- Hệ thống điện ngầm gồm đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp theo từng chiều dài tuyến đường 2,1 km; Đầu tư xây dựng vỉa hè 02 bên tuyến đường chiều rộng 10m x 2 bên.	40.000	40.000		20.000	20.000			
2	Đường Kênh Tư Non	Vinh Quang	- Chiều dài 0,46 km; rộng 5,5m; mặt đường BTCT, giá cố lề 10 xăng cù tràn	5.000	5.000		5.000				
3	Đường Từ Xường (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	Vinh Quang	- Dài 0,36 km; rộng 10,5 m; rộng vỉa hè: 5m x 2; Mặt đường BTNN thoát nước mưa; công BTLT, diện chiếu sáng, điện sinh hoạt và chiếu sáng bằng cấp ngầm	14.000	14.000		4.000	10.000			
4	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	Vinh Quang	- Dài 0,28 km; rộng 18,0m=8m+2m+8m (dây phân cách rộng 2m); rộng vỉa hè: 14,0 m = 7m x 2 bên; rộng nền đường 32,0 m; Mặt đường BTNN; thoát nước bằng công ngầm BTLT dọc và công ngang đường, điện chiếu sáng; điện sinh hoạt và chiếu sáng bằng cấp ngầm	22.000	22.000			7.000	15.000		

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
					Nhu cầu vốn	2021	2022	2023	2024	2025	
5	Bến xe Rạch Giá		Tổng diện tích bồi hoàn khoảng 16,7 ha	300.000	300.000		50.000	50.000	100.000	100.000	
6	Hà tầng kỹ thuật chỉnh trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng - phường Vĩnh Quang		Tổng diện tích bồi hoàn khoảng 20 ha	188.200	188.200		50.000	50.000	50.000	38.200	
7	Đường số 1, phường Vĩnh Quang	Vĩnh Quang	Dài 1,7 km, chiều rộng mặt đường: $25,0m=10,5m+4m+10,5m$, chiều rộng vỉa hè: $20,0\text{ m}=10m \times 2$ bên, hệ thống thoát nước công BTLT, hệ thống điện sử dụng cáp ngầm, Bồi hoàn đất chỉnh trang đô thị $30m \times 2$ bên	230.000	230.000		30.000	50.000	50.000	100.000	

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Nguồn thu 40% tiền sử dụng đất đầu giá Tuyến đường đề biển trên địa bàn thành phố Rach Giá

(Nguồn thu = 1.620.000 triệu đồng x 40% = 648.000 triệu đồng)

Kèm theo Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Rach Giá

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế	Tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
					Nhu cầu vốn	2021	2022	2023	2024	2025	
1	2	3	4	5	6-7-8-9-10-11	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG: (A+B)				648.000						
A	PHẦN 30% KIẾN NGHỊ THÀNH PHỐ ĐƯỢC GIỮ LẠI			562.800	486.000	73.200	93.000	100.000	108.000	111.800	
I	Công trình chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020			150.000	73.200	73.200					
I	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Vĩnh Thanh - Vĩnh Quang	Tổng diện tích gải tỏa là 14043,56 m ² ; có ảnh hưởng đến 164 hộ gia đình.	150.000	73.200	73.200					
II	Công trình bố trí mới giai đoạn 2021 - 2025			412.800	412.800		93.000	100.000	108.000	111.800	
I	Đầu nối đường Tự Do (từ đường Nguyễn Huỳnh Đức đến đường Lý Thường Kiệt)	Vĩnh Thanh	Phần đường dài 0,2 km, mặt đường 10,5 m x 2 bên, kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng; Vía hè rộng 5m x 2 bên, bố trí hố cây xanh; hệ thống thoát nước	10.000	10.000		5.000	5.000			
2	Hệ thống cấp điện ngầm và lát vỉa hè Tuyến đường đề biển (đoạn từ cổng số 1 đến đường Nguyễn Thái Bình)	Vĩnh Quang - Vĩnh Thanh	Hệ thống điện ngầm gồm đường dây trung hạ thế và trạm biến áp theo tổng chiều dài tuyến đường 3,9km; Đầu tư xây dựng vỉa hè 02 bên tuyến đường chiều rộng 10m x 2 bên.	40.000	40.000				20.000	20.000	
3	Đường Đồng Hồ (đoạn đầu nối ra đường Trần Phú), phường Vĩnh Thanh.	Vĩnh Thanh	Phần đường: dài 0,08km; rộng 7,5m; vỉa hè 4,0m x 2 bên; Mặt đường BTNN. - Hệ thống thoát nước bằng công BTLLT	10.000	10.000		5.000	5.000			
4	Mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm và đường Võ Trường Toản (giáp với khu dân tương niệm)	Vĩnh Thanh	Đường Võ Trường Toản: dài 0,35 km, rộng 10,5 m, kết cấu mặt đường BTN; Vía hè rộng 5m phía phải, 6,5 m phía trái, bố trí hố cây xanh, HT thoát nước; Cấp điện sinh hoạt và hệ thống chiếu sáng sử dụng cấp ngầm; Đường Võ Trường Toản: dài 0,12 km, rộng 9m, Vía hè rộng 5m x2 bên	15.000	15.000		10.000	5.000			

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế	Tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Ghi chú
					Nhu cầu vốn	2021	2022	2023	2024	2025	
5	Nâng cấp thảm nhựa mặt số tuyến đường phường Vĩnh Quang	Vĩnh Quang	Xây dựng vỉa vĩa và thảm BTN các đường: Từ Dũ, Đặng Dung, Hàn Thuyên, Huỳnh Thúc Kháng, Hải Bà Trưng (Lý Thái Tổ - Huỳnh Thúc Kháng), Lý Thái Tổ, Lý Chính Thắng, Lê Thành Tôn, Nguyễn Tri Phương, Thủ Khoa Huân, Ngọc Hân Công Chúa, Lê Anh Xuân, Nguyễn Huy Tưởng, Ngô Tất Tố, Vũ Công Duyệt, Phan Kế Bính, Phan Văn Trường, Tăng Bạt Hổ, La Sơn Phu Tử...	10.000	10.000			10.000			
6	Đường Tú Xương (từ đường Quang Trung đến đường Võ Trường Toản)	Vĩnh Quang	Dài 0,6 km, rộng 10,5 m; rộng vỉa hè: 5m x 2; Mặt đường BTN; thoát nước công BTLT, điện chiếu sáng, điện sinh hoạt và chiếu sáng bằng cấp ngầm	20.000	20.000			5.000	5.000	10.000	
7	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước mặt số tuyến đường phường Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	Nâng cấp mặt đường và xây dựng mới hệ thống thoát nước bị hư hỏng các tuyến đường như: Lê Thị Hồng Gấm, Phạm Ngọc Thạch, Trần Quốc Toản...	10.000	10.000				5.000	5.000	
8	Nâng cấp đường Mạc Cửu (từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Bình Khiêm)	Vĩnh Thanh	Dài 1,2 km, chiều rộng mặt 7,5m, kết cấu mặt đường BTN; Vĩa hè rộng 5m x 2 bên, bố trí hồ cây xanh dọc tuyến đường; HT Thoát nước	10.000	10.000				5.000	5.000	
9	Đường Mạc Đình Chi (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Nguyễn Công Trứ)	Vĩnh Thanh	Dài 0,2km, rộng 7,5m, mặt đường BTN, xây dựng mới hệ thống thoát nước, vỉa hè	3.000	3.000		3.000				
10	Tuyến đường đi bộ (đoạn từ đầu đường Tự Do đến đường 3 tháng 2) phường Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	Gồm phần đường đi bộ chiều dài 0,2km, hệ thống thoát nước, vỉa hè, hồ vĩa, cây xanh, chiếu sáng công cộng	30.000	30.000		20.000	10.000			
11	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình)	Vĩnh Quang	Dài 3,6km, rộng 10,5 m, kết cấu BTN; Vĩa hè rộng 5m x 2 bên, bố trí hồ cây xanh; HT thoát nước; Hệ thống chiếu sáng công cộng sử dụng cấp ngầm	130.000	130.000		50.000	40.000	40.000		
12	Đường Phạm Ngọc Thạch nối dài	Vĩnh Thanh	- Phần đường dài 0,2km, rộng 5,5m; vỉa hè 2,0m x 2 bên, mặt đường BTNN - Hệ thống thoát nước công BTLT	15.000	15.000				5.000	10.000	
13	Đường Đồng Hồ (đoạn từ đường Lê Thị Hồng Gấm đến đường Phạm Ngọc Thạch)	Vĩnh Thanh	- Phần đường dài 0,25km; rộng 7,5m; vỉa hè 4,0m x 2 bên; Mặt đường BTNN - Hệ thống thoát nước công BTLT	29.800	29.800				8.000	21.800	
14	Đường Quang Trung (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình)	Vĩnh Quang	Dài 3,7km, rộng 7,5m, kết cấu mặt đường BTN; Vĩa hè rộng 5m x 2 bên, bố trí hồ cây xanh; HT thoát nước	80.000	80.000			20.000	20.000	40.000	
B	PHẦN 10% NỢP NGÂN SÁCH TỈNH				162.000						

Số: 329/TTr-TCKH

Rạch Giá, ngày 22 tháng 12 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/ND-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá, về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố;

Trên cơ sở Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá đã quyết nghị. Phòng Tài chính – Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau:

1. Tổng nguồn thu giai đoạn 2021-2025: 2.020.000 triệu đồng, trong đó:

- Thu sử dụng đất (60% theo NQ-HĐND tỉnh): 300.000 triệu đồng.
- Thu bán tài sản trụ sở công không cần dùng: 100.000 triệu đồng.
- Thu tiền sử dụng đất đấu giá tuyến đường đô thị: 1.620.000 triệu đồng; bao gồm:

+ Nguồn thu 60% nộp ngân sách thành phố: 972.000 triệu đồng.

+ Nguồn thu 40% nộp ngân sách tỉnh: 648.000 triệu đồng.

2 Tổng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025: Tổng số 105 công trình, vốn 1.858.000 triệu đồng, bao gồm:

2.1. Nguồn thu sử dụng đất và bán tài sản trụ sở công không cần dùng: Bố trí 82 công trình, vốn 400.000 triệu đồng, trong đó:

- a). Chuyển tiếp 18 công trình, vốn 51.900 triệu đồng.
- b). Bố trí mới 64 công trình, vốn 348.100 triệu đồng, gồm có:
 - Lĩnh vực quản lý nhà nước: 08 công trình, vốn 117.100 triệu đồng.
 - Lĩnh vực giao thông, hạ tầng KT: 29 công trình, vốn 82.800 triệu đồng.
 - Lĩnh vực Môi trường: 05 công trình, vốn 18.000 triệu đồng.
 - Lĩnh vực Giáo dục: 12 công trình, vốn 54.200 triệu đồng.
 - Lĩnh vực Văn hóa – Y tế: 09 công trình, vốn 16.000 triệu đồng.
 - Nâng cấp hẻm: 20.000 triệu đồng.
 - Vốn dự phòng: 40.000 triệu đồng.

(Kèm theo bảng danh mục chi tiết Phụ lục 1)

2.2. Nguồn thu sử dụng đất đầu giá tuyến đường đê biển: Bố trí 23 công trình, vốn 1.458.000 triệu đồng, trong đó:

a). Chuyển tiếp 02 công trình, vốn 246.000 triệu đồng, gồm có:

- Nguồn thu 60% nộp ngân sách thành phố: vốn 172.800 triệu đồng.

- Nguồn thu 30% nộp ngân sách tỉnh: vốn 73.200 triệu đồng.

b). Bố trí mới 21 công trình thuộc Lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật, vốn 1.212.000 triệu đồng, gồm có:

- Nguồn thu 60% nộp ngân sách thành phố: 799.200 triệu đồng.

- Nguồn thu 30% nộp ngân sách tỉnh: 412.800 triệu đồng.

c). Nguồn thu 10% tương ứng 162.000 triệu đồng nộp ngân sách tỉnh theo Luật Ngân sách nhà nước.

(Kèm theo bảng danh mục chi tiết Phụ lục 2 và Phụ lục 3)

Kính trình UBND thành phố xem xét phê duyệt để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Cao Thanh Dũng